Machine Translated by Google

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

PHẦN 1) SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CỦA NHÀ CUNG CẤP

Mã sản phẩm:	70-1014FF00145		
Tên sản phẩm:	Nukote EP Prime II, Mặt A		
Ngày sửa đổi:	Ngày 30 tháng 4 năm 2015	Ngày in:	Ngày 14 tháng 1 năm 2016
Phiên bản:	1.0	Ngày thay thế:	Không có
Tên nhà sản xuất:	Hệ thống phủ Nukote		
Địa chỉ:	4730 Consulate Plaza Dr. Suite 100, Houston, TX, Hoa Kỳ, 77032		
Điện thoại khẩn cấp:	Chemtrec:800-424-9300 (tài khoản:CCN1217) HOẶC Quốc tế:703-527-3887 (tài khoản:CCN1217)		
Điện thoại thông tin	(832)770-7100		
Fax:	(281) 227-0909		

Sản phẩm/Công dụng khuyến nghị: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Bảng dữ liệu kỹ thuật của sản phẩm.

PHẦN 2) NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Phân loại:

Độc tính cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm lặp lại - Loại 2

Kích ứng da - Loại 2

Chất gây nhạy cảm da - Loại 1

Gây ung thư - Loại 2

Kích ứng mắt - Loại 2

Độc tính mãn tính đối với thủy sinh - Loại 2

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh - Loại 2

Biểu tượng:



Từ tín hiệu:

Cảnh báo

Các tuyên bố nguy hiểm - Sức khỏe:

H373 - Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần.

H315 - Gây kích ứng da

H317 - Có thể gây phản ứng dị ứng da

H351 - Nghi ngờ gây ung thư .

H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Tuyên bố nguy hiểm - Môi trường:

H401 - Độc hại với sinh vật thủy sinh

H411 - Độc hại với sinh vật thủy sinh với tác động lâu dài

Các tuyên bố phòng ngừa - Chung:

P101 - Nếu cần tư vấn y tế, hãy chuẩn bị sẵn nhãn hoặc hộp đựng sản phẩm.

P102 - Để xa tầm tay trẻ em.

P103 - Đọc nhãn trước khi sử dụng.

Machine Translated by Google

Các tuyên bố phòng ngừa - Phòng ngừa:

P260 - Không hít bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

P264 - Rửa sạch sau khi xử lý.

P280 - Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

P261 - Tránh hít phải bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

P272 - Không đư ợc phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơ i làm việc.

P201 - Xin hư ớng dẫn đặc biệt trư ớc khi sử dụng.

P202 - Không đư ợc sử dụng cho đến khi đã đọc và hiểu rõ tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn.

P273 - Tránh thải ra môi trư ờng.

Các tuyên bố phòng ngừa - Phản hồi:

P314 - Nhận tư vấn/chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P302 + P352 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng nhiều nư ớc.

P321 - Điều trị đặc hiệu (xem phần 4 trên SDS này).

P332 + P313 - Nếu bị kích ứng da: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P362 + P364 - Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Và giặt sạch trư ớc khi sử dụng lại.

P333 + P313 - Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P308 + P313 - NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P305 + P351 + P338 - NẾU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nư ớc trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P337 + P313 - Nếu tình trạng kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Tìm kiếm lời khuyên/chăm sóc y tế.

P391 - Thu gom chất tràn.

Các tuyên bố phòng ngừa - Lư u trữ:

P405 - Cửa hàng đã bị khóa.

Các tuyên bố phòng ngừa - Xử lý:

P501 - Xử lý chất thải/thùng chứa đến nhà máy xử lý chất thải đư ợc phê duyệt.

PHẦN 3) THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

CAS	Tên hóa học	% Theo Trọng Lư ợng
0025068-38-6	BISPHENOL A NHỰA EPOXY	35% - 65%
0001332-58-7	CAOLIN	13% - 25%
0014808-60-7	Silica, tinh thể	11% - 20%
0002461-15-6	OXIRANE, 2-[[2-EHTYLHEXYL)OXY]METHYL]-	9% - 17%
0000103-23-1	DI(2-ETHYLHEXYL)ADIPATE	1,5% - 3%
0001333-86-4	CARBON ĐEN	0,3% - 0,5%

PHẦN 4) CÁC BIỆN PHÁP CỨU THƯ ỜNG

Hít vào:

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đư a nạn nhân ra nơ i có không khí trong lành và giữ tư thế thoải mái để thở.

Nếu bị phơ i nhiễm/cảm thấy không khỏe/lo lắng: Gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ.

Tiếp xúc với da:

Rửa sạch/rửa bằng nư ớc ấm chảy nhẹ và xà phòng nhẹ trong 15-20 phút hoặc cho đến khi sản phẩm đư ợc loại bỏ. Nếu da bị kích ứng hoặc bạn cảm thấy không khỏe: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế.

NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

Giao tiếp bằng mắt:

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đư a ngư ời đó ra nơ i thoáng khí. Rửa mắt cẩn thận bằng nư ớc ấm chảy nhẹ trong vài phút, trong khi giữ cho mí mắt mở. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa trong khoảng thời gian 15-20 phút. Cẩn thận không rửa nư ớc bị ô nhiễm vào mắt không bị ảnh hư ởng hoặc vào mặt. Nếu kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế.

Tiêu hóa:

Machine Translated by Google

Súc miệng. KHÔNG gây nôn. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ. Nếu nôn tự nhiên, hãy nằm nghiêng, ở tư thế hồi phục.

Cho uống 1 hoặc 2 cốc sữa hoặc nước và chuyển người đó đến nhân viên y tế. Không đưa bất cứ thứ gì vào miệng người bất tỉnh.

MỤC 5) BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Nên sử dụng hóa chất khô, bọt, phun nước carbon dioxide hoặc sương mù. Nên phun nước để làm mát hoặc bảo vệ vật liệu hoặc kết cấu tiếp xúc. Carbon dioxide có thể thay thế oxy. Hãy thận trọng khi sử dụng carbon dioxide trong không gian hạn chế. Tránh sử dụng đồng thời bọt và nước trên cùng một bề mặt vì nước sẽ phá hủy bọt. Chỉ có thể sử dụng cát hoặc đất cho các đám cháy nhỏ.

Các mối nguy hiểm cụ thể trong trường hợp hỏa hoạn:

Áp suất hoặc nhiệt độ quá cao có thể gây nổ bình chứa.

Quy trình chữa cháy:

Cô lập khu vực nguy hiểm ngay lập tức và không cho nhân viên không có thẩm quyền ra ngoài. Dừng việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Di chuyển các thùng chứa không bị hư hại khỏi khu vực nguy hiểm ngay lập tức nếu có thể thực hiện an toàn. Phun nước có thể hữu ích trong việc giảm thiểu hoặc phân tán hơi và bảo vệ nhân viên. Nước có thể không hiệu quả nhưng có thể được sử dụng để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt hoặc ngọn lửa. Cần thận trọng khi sử dụng nước hoặc bọt vì có thể xảy ra bọt, đặc biệt là nếu phun vào các thùng chứa chất lỏng nóng, đang cháy.

Xử lý các mảnh vỡ cháy và nước chữa cháy bị ô nhiễm theo đúng quy định của chính quyền.

Hành động bảo vệ đặc biệt:

Đeo thiết bị thở tự cung cấp áp suất bảo vệ (SCBA) và đồ bảo hộ đầy đủ.

Luôn phải cẩn thận khi ở những khu vực có bụi/sương mù.

PHẦN 6) CÁC BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TÌNH CỜ

Quy trình khẩn cấp:

LOẠI BỎ mọi nguồn gây cháy (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa ở khu vực xung quanh).
Không chạm hoặc bước qua vật liệu bị đổ.
Cô lập khu vực nguy hiểm và tránh xa những người không cần thiết. Loại bỏ mọi nguồn gây cháy có thể có ở khu vực xung quanh. Thông báo cho chính quyền nếu có bất kỳ sự tiếp xúc nào với công chúng hoặc môi trường xảy ra hoặc có khả năng xảy ra.
Nếu vật liệu bị đổ được làm sạch bằng dung môi được quy định, hỗn hợp chất thải thu được có thể được quy định.

Thiết bị được đề xuất:

Máy thở áp suất dương, trùm kín mặt (SCBA) hoặc máy thở cung cấp khí áp suất dương có bình thở SCBA thoát hiểm (được NIOSH chấp thuận).

Biện pháp phòng ngừa cá nhân:

Tránh hít phải hơi. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không chạm vào các thùng chứa bị hư hỏng hoặc vật liệu bị đổ trừ khi mặc quần áo bảo hộ thích hợp.

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Ngăn chặn việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Ngăn không cho vật liệu tràn vào cống rãnh, cống thoát nước mưa, các hệ thống thoát nước trái phép khác và đường thủy tự nhiên bằng cách sử dụng cát, đất hoặc các rào cản thích hợp khác.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch:

Thấm vật liệu bằng chất hấp thụ và xúc vào thùng chứa chất thải hóa học. Đậy nắp thùng chứa, nhưng không niêm phong, và di chuyển khỏi khu vực làm việc. Chất thải từ quá trình dọn dẹp tràn dầu có thể tiếp tục được quản lý theo các điều khoản của RCRA và cần được lưu trữ và xử lý như chất thải nguy hại. Đối với các vụ tràn dầu lớn, hãy gọi đến CHEMTREC (Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất) theo số 800-424-9300.

PHẦN 7) XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

Tổng quan:

Rửa tay sau khi sử dụng.
Không để dính vào mắt, da hoặc quần áo.
Không hít phải hơi hoặc sương mù.
Áp dụng các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt.
Cấm ăn, uống và hút thuốc ở khu vực làm việc.
Cởi bỏ quần áo và thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn trước khi vào khu vực ăn uống.

Nên bố trí trạm rửa mắt và vòi hoa sen ở những khu vực sử dụng và lưu trữ vật liệu này.

Những người mắc bệnh về đường hô hấp như viêm phế quản mãn tính, khí phế thũng hoặc hen suyễn không nên tiếp xúc với chất này.

Yêu cầu thông gió:

Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ để kiểm soát các chất gây ô nhiễm không khí ở mức giới hạn tiếp xúc của chúng. Khuyến nghị sử dụng thông gió cục bộ để kiểm soát khí thải gần nguồn.

Machine Translated by Google

Yêu cầu về phòng lư u trữ:

Đóng chặt hộp đựng và dán nhãn đúng cách. Bảo quản ở nơ i khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, ánh nắng trực tiếp và những thứ không tư ơ ng thích. Bảo quản trong hộp đựng đư ợc chấp thuận và tránh hư hỏng vật lý. Giữ hộp đựng đư ợc đậy kín khi không sử dụng.
Lư u trữ trong nhà phải đáp ứng các tiêu chuẩn của OSHA và các quy định phòng cháy chữa cháy phù hợp. Các thùng chứa đã mở phải đư ợc niêm phong lại cẩn thận để tránh rò rỉ. Thùng chứa rỗng vẫn còn cặn và có thể nguy hiểm.

Bảo quản trong các thùng chứa kín để tránh hơ i ẩm trong không khí. Bảo quản ở nơ i khô ráo, thoáng mát. Bảo quản chất lỏng trong các thùng chứa trên mặt đất và có đê bao quanh để ngăn tràn hoặc rò rỉ.

Không cắt, khoan, mài, hàn hoặc thực hiện các hoạt động tư ơ ng tự trên hoặc gần thùng chứa.

PHẦN 8) KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ mắt:

Đeo kính bảo vệ mắt bằng tấm chắn bên hông hoặc kính bảo hộ. Đeo kính bảo hộ chống va đập, chống bắn nư ớc và thông gió gián tiếp khi làm việc với chất lỏng. Nếu cần bảo vệ thêm cho toàn bộ khuôn mặt, hãy sử dụng kết hợp với kính bảo hộ.

Bảo vệ da:

Sử dụng găng tay đư ợc chấp thuận theo các tiêu chuẩn có liên quan đư ợc làm từ các vật liệu sau đây có thể cung cấp khả năng bảo vệ hóa chất phù hợp: Găng tay PVC, cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile. Tính phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, ví dụ tần suất và thời gian tiếp xúc, khả năng chống hóa chất của vật liệu găng tay, độ dày của găng tay, độ khéo léo. Luôn tìm lời khuyên từ các nhà cung cấp găng tay. Nên thay thế găng tay bị nhiễm bẩn.
Nên sử dụng tạp dề và ủng làm bằng vật liệu không thấm hóa chất như cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile để tránh gây kích ứng da. Loại thiết bị bảo vệ phải đư ợc lựa chọn theo nồng độ và lư ợng chất nguy hiểm tại nơ i làm việc cụ thể. Giặt quần áo bẩn hoặc xử lý đúng cách vật liệu bị ô nhiễm, không thể khử nhiễm.

Bảo vệ hô hấp:

Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí ở mức đủ để bảo vệ ngư ời lao động, cần tuân theo chư ơ ng trình bảo vệ hô hấp đáp ứng hoặc tư ơ ng đư ơ ng với OSHA 29 CFR 1910.134 và ANSI Z88.2. Kiểm tra với các nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp.

Sử dụng máy trợ thở cung cấp khí quyển hoặc máy trợ thở lọc không khí để khử hơ i hữu cơ .

Kiểm soát kỹ thuật thích hợp:

Cung cấp hệ thống thông gió xả hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ nồng độ hơ i trong không khí ở mức dư ới ngư ỡng giới hạn tư ơ ng ứng.

Tên hóa học	OSHA TWA (ppm)	OSHA TWA (mg/m3)	OSHA STEL (ppm)	OSHA STEL (mg/m3)	OSHA Bảng (Z1, Z2, Z3)	OSHA Chất gây ung thư	OSHA Da chỉ định	TWA (ppm)	TWA (mg/m3)	STEL (ppm)	STEL (mg/m3)	Chất gây ung thư
CARBON ĐEN		3,5			1				3.5a			1
CAOLIN		[15]; [5(a)];			1				10.5a			
Silic, KẾT TINH	MQc	[10 mg/m3 phần trăm SiO2+2 / 250 phần trăm SiO2+5 mppcf]; [30 mg/m3 phần trăm SiO2+2];			[1,3]; [3];				0,05e			1

Tên hóa học	TWA (ppm)	TWA (mg/m3)	STEL (ppm)	STEL (mg/m3)	Chất gây ung thư	Cơ sở TLV	Ghi chú
CARBON ĐEN		3 (Tôi)			A3	Viêm phế quản	A3
CAOLIN		2 (Đ, Đ)			A4	Viêm phổi niosis	A4
Silic, KẾT TINH		0,025 (R)			A2	Xơ phổi; ung thư phổi	A2

(I) - Phần có thể hít vào, A2 - Chất gây ung thư nghi ngờ ở ngư ời, A3 - Chất gây ung thư ở động vật đư ợc xác nhận có liên quan chư a rõ đến con ngư ời, A4 - Không Có thể phân loại là chất gây ung thư ở ngư ời

PHẦN 9) TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Tính chất vật lý và hóa học

Tỉ trọng	11,13 pound/gallon

Machine Translated by Google

Trọng lư ợng riêng	1,33
Quy định VOC	0,00 lb/gallon
VOC Phần A & B Kết hợp	Không có
Vẻ bề ngoài	Chất lỏng có sắc tố
Ngư ỡng mùi	Không có
Mô tả mùi	Mùi hóa chất nhẹ
độ pH	Không có
Độ hòa tan trong nư ớc	Không có
Tính dễ cháy	Không có
Biểu tư ợng điểm chớp cháy	Không có
Điểm chớp cháy	200 °F
Độ nhớt	Không có
Mức độ nổ thấp hơ n	Không có
Mức độ nổ trên	Không có
Áp suất hơ i	Không có
Mật độ hơ i	Nặng hơ n không khí
Điểm đóng băng	Không có
Điểm nóng chảy	Không có
Điểm sôi thấp	464 °F
Điểm sôi cao	Không có
Nhiệt độ đánh lửa tự động	Không có
Phân hủy Pt	0
Tốc độ bốc hơ i	Chậm hơ n ether
Hệ số Nư ớc/Dầu	Không có

PHẦN 10) TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Sự ổn định:

Vật liệu ổn định ở nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn.

Các điều kiện cần tránh:

Nhiệt, nhiệt độ cao, ngọn lửa, tia lửa và độ ẩm. Tiếp xúc với các vật liệu không tư ơ ng thích trong hệ thống kín sẽ gây ra sự tích tụ áp suất.

Phản ứng nguy hiểm/Polymer hóa:

Sẽ không xảy ra như ng amin aliphatic sẽ gây ra phản ứng trùng hợp không thể đảo ngư ợc với sự tích tụ nhiệt đáng kể.

Vật liệu không tư ơ ng thích:

Sản phẩm này sẽ phản ứng với các vật liệu như amin, kiềm và axit. Tránh các chất oxy hóa mạnh. Một số phản ứng có thể dữ dội.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:

Sản phẩm cháy: hơ i hữu cơ và các mảnh phân hủy nhiệt.

PHẦN 11) THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Ăn mòn/Kích ứng da:

Tiếp xúc da nhiều lần có thể gây kích ứng dai dẳng hoặc viêm da. Cũng có thể làm trầm trọng thêm tình trạng da hiện có.

Gây kích ứng da

Tổn thư ơ ng/kích ứng mắt nghiêm trọng:

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Nhạy cảm về hô hấp/da:

Tiếp xúc có thể gây kích ứng niêm mạc và đư ờng hô hấp, tức ngực, đau đầu, khó thở và ho khan. Các tác động của tiếp xúc cấp tính có thể chậm trễ trong quá trình khởi phát lên đến 12-24 giờ. Tiếp xúc nhiều lần vư ợt quá giới hạn nghề nghiệp hiện tại có thể gây ra tình trạng nhạy cảm dị ứng ở đư ờng hô hấp. Điều này đư ợc đặc trư ng bởi phản ứng giống như hen suyễn khi tiếp xúc lại với hóa chất. Các triệu chứng có thể bao gồm ho, thở khò khè, khó thở và tức ngực.

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da

Tính gây ung thư :

Machine Translated by Google

Nghi ngờ gây ung thư .

Tính gây đột biến tế bào mầm:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính sinh sản:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc một lần:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc nhiều lần:

Tiếp xúc nhiều lần thường làm trầm trọng thêm các tình trạng bệnh lý sau: Bệnh tim mạch và Bệnh hô hấp mãn tính.

Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc liên tục.

Nguy cơ hít phải:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính cấp tính:

Tiêu hóa: Có thể xảy ra tình trạng kích ứng hoặc bỏng hóa chất ở miệng, họng, thực quản và dạ dày sau khi tiêu hóa.

0001333-86-4 CARBON ĐEN

LC50 (chuột): 6750 mg/m3 (phơi nhiễm trong 4 giờ); được trích dẫn là 27000 mg/m3 (27 mg/L) (phơi nhiễm trong 1 giờ) (3)

Tác động tiềm ẩn đến sức khỏe - Khác

0001332-58-7 CAOLIN

Các tình trạng bệnh lý sau đây có thể trầm trọng hơn do tiếp xúc: hen suyễn, viêm da. Hít phải nhiều lần hoặc kéo dài có thể gây ra bất kỳ tình trạng nào sau đây: tổn thương phổi.

0001333-86-4 ĐEN CARBON

Là chất gây ung thư theo IARC, NTP hoặc OSHA. Đã cho thấy hoạt động gây ung thư ở động vật thí nghiệm ở liều cao. Chưa rõ ý nghĩa đối với con người. Các tình trạng bệnh lý sau đây có thể trầm trọng hơn do tiếp xúc: hen suyễn, bệnh đường hô hấp. CẢNH BÁO: Hóa chất này được Tiểu bang California biết đến là có thể gây ung thư .

0014808-60-7 SILICA, KẾT TINH

Là chất gây ung thư theo IARC, NTP hoặc OSHA. Tiếp xúc quá nhiều với silica tinh thể nhiều lần có thể dẫn đến thay đổi hình ảnh chụp X-quang và bệnh phổi mãn tính. Hít phải nồng độ bụi cao có thể gây ra: khó thở, tổn thương phổi. CẢNH BÁO: Hóa chất này được Tiểu bang California biết đến là có thể gây ung thư .

0025068-38-6 BISPHENOL A NHỰA EPOXY

Các tình trạng bệnh lý sau đây có thể trầm trọng hơn do tiếp xúc: rối loạn da. Các nghiên cứu trong phòng thí nghiệm với chuột đã chỉ ra rằng các sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ có thể gây tổn thương thận và khối u thận hoặc gan. Những tác động này không được thấy trong các nghiên cứu tương tự với guin

Tiếp xúc mãn tính

0001333-86-4 ĐEN CARBON

TÁC DỤNG GÂY UNG THƯ : Năm 1996, IARC đã đánh giá lại Carbon Black là chất gây ung thư Nhóm 2B. Đánh giá này được đưa ra cho carbon black mà bằng chứng trên người chưa đủ, nhưng bằng chứng trên động vật là đủ.

Hít phải muội than trong thời gian dài có thể dẫn đến bệnh phổi. Các triệu chứng bao gồm ho, khó thở, thở khò khè và suy giảm chức năng phổi.

0014808-60-7 SILICA, KẾT TINH

Hít phải bụi silic tinh thể trong thời gian dài có thể dẫn đến bệnh phổi (tức là bệnh bụi phổi silic và/hoặc ung thư phổi). Các triệu chứng bao gồm ho, khó thở, thở khò khè và suy giảm chức năng phổi.

PHẦN 12) THÔNG TIN SINH THÁI

Độc tính:

Độc hại đối với sinh vật dưới nước

Độc hại với sinh vật thủy sinh và có tác động lâu dài

Tính di động trong đất:

Không có dữ liệu.

Các tác dụng phụ khác:

Không có dữ liệu.

Tiềm năng tích lũy sinh học

Machine Translated by Google

0001333-86-4 ĐEN CARBON

Không dự kiến có khả năng tích lũy sinh học đáng kể của cacbon đen dựa trên tính không hòa tan của nó trong dung môi hữu cơ và trong nước. Hơn nữa, vì đường kính tổng hợp của cacbon đen thay đổi trong khoảng từ 80 nm đến 810 nm nên sự tích tụ sinh học của cacbon đen dạng hạt không có khả năng là do đường kính lớn của các hạt tổng hợp rắn.

Sự bền bỉ và khả năng phân hủy

0001333-86-4 ĐEN CARBON

Tính không hòa tan của Carbon Black trong nước khiến nó không thể phân hủy sinh học trong bất kỳ môi trường hoặc bởi sinh vật nào. Nó được coi là bền vững trong môi trường tự nhiên.

PHẦN 13) XÉT XỬ LÝ

Xử lý chất thải:

Theo RCRA, người sử dụng sản phẩm có trách nhiệm xác định thời điểm thải bỏ sản phẩm có đáp ứng tiêu chí RCRA về chất thải nguy hại hay không. Quản lý chất thải phải tuân thủ đầy đủ luật liên bang, tiểu bang và địa phương.

Các thùng chứa rỗng vẫn còn cặn sản phẩm có thể gây nguy hiểm cho vật liệu, do đó không được nén, cắt, tráng men, hàn hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. Trả lại các thùng phuy cho các trung tâm tái chế để vệ sinh và tái sử dụng đúng cách.

PHẦN 14) THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Thông tin của US DOT:

Không được quản lý.

Thông tin IMDG:

Số UN/NA: 3082

Tên vận chuyển hợp pháp của Liên Hợp Quốc: CHẤT NGUY HIỂM VỚI MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, NOS (CHỨA NHỰA EPOXY BISPHENOL A)
Lớp: 9

Nhóm đóng gói: III
Chất gây ô nhiễm biển: Có

Thông tin IATA:

Số UN/NA: 3082

Tên vận chuyển hợp lệ của Liên Hợp Quốc: CHẤT NGUY HIỂM VỚI MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, NOS (CHỨA NHỰA EPOXY BISPHENOL A)
Lớp: 9

Nhóm đóng gói: III
Biển báo: Lớp 9

MỤC 15) THÔNG TIN QUY ĐỊNH

CAS	Tên hóa học	% Theo Trọng Lượng	Danh sách quy định
0025068-38-6	BISPHENOL A EPOXY NHỰA	35% - 65%	DSL, SARA312, TSCA
0001332-58-7	CAOLIN	13% - 25%	DSL, SARA312, TSCA
0014808-60-7	Silica, tinh thể	11% - 20%	DSL,SARA312,TSCA,California Đề xuất 65
0002461-15-6	OXIRANE, 2-[[2-EHTYLHEXYL)OXY] METHYL]-	9% - 17%	DSL, SARA312, TSCA
0000103-23-1	DI(2-ETHYLHEXYL) ADIPATE	1,5% - 3%	DSL, SARA312, TSCA
0001333-86-4	CARBON ĐEN	0,3% - 0,5%	DSL,SARA312,TSCA,California Đề xuất 65

PHẦN 16) THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN KHÁC:

Lưu ý: Theo GHS, loại 1 là mức độ nguy hiểm cao nhất trong mỗi loại.

BẢNG THUẬT NGỮ:

Machine Translated by Google

ACGIH- Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ; ANSI- Viện tiêu chuẩn quốc gia Hoa Kỳ; TDG Canada- Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Canada; CAS- Dịch vụ tóm tắt hóa chất; Chemtrec- Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất (Hoa Kỳ); CHIP- Thông tin và bao bì về mối nguy hiểm của hóa chất; DSL- Danh sách các chất trong nước; EC- Nồng độ tương đương; EH40 (Anh)- Ghi chú hướng dẫn của HSE EH40 Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp; EPCRA- Đạo luật về quyền được biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp; ESL- Mức sàng lọc tác động; HMIS- Dịch vụ thông tin về vật liệu nguy hiểm; LC- Nồng độ gây chết người; LD- Liều gây chết người; NFPA- Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia; OEL- Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp; OSHA- Cơ quan quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Bộ lao động Hoa Kỳ; PEL- Giới hạn phơi nhiễm cho phép; SARA (Tiêu đề III)- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund; SARA 313- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund, Mục 313; SCBA- Thiết bị thở tự cung cấp; STEL- Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn; TCEQ
- Ủy ban Chất lượng Môi trường Texas; TLV- Giá trị giới hạn ngưỡng; TSCA- Luật công số 94-469 của Đạo luật Kiểm soát Chất độc hại; TWA
- Giá trị theo thời gian; US DOT- Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ; WHMIS- Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hiểm tại nơi làm việc.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Theo hiểu biết của chúng tôi, thông tin có trong đây là chính xác. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu trên cũng như bất kỳ công ty con nào của họ đều không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin có trong đây. Việc xác định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ vật liệu nào là trách nhiệm duy nhất của người dùng. Tất cả các vật liệu đều có thể gây ra những mối nguy hiểm chưa biết và nên sử dụng thận trọng. Mặc dù một số mối nguy hiểm được mô tả trong đây, chúng tôi không thể đảm bảo rằng đây là những mối nguy hiểm duy nhất hiện hữu. Thông tin trên liên quan đến sản phẩm này theo công thức hiện tại và dựa trên thông tin có sẵn tại thời điểm này. Việc thêm chất khử hoặc các chất phụ gia khác vào sản phẩm này có thể làm thay đổi đáng kể thành phần và mối nguy hiểm của sản phẩm. Vì các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi, chúng tôi không đưa ra bất kỳ bảo đảm nào, dù là rõ ràng hay ngụ ý, và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến bất kỳ việc sử dụng thông tin này.

Machine Translated by Google

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

PHẦN 1) SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CỦA NHÀ CUNG CẤP

Mã sản phẩm:	Nukote EP Prime II, Mặt B		
Tên sản phẩm:	Nukote EP Prime II, Mặt B		
Ngày sửa đổi:	Ngày 01 tháng 05 năm 2015	Ngày in:	Ngày 06 tháng 05 năm 2015
Phiên bản:	1.0	Ngày thay thế:	Không có
Tên nhà sản xuất:	Hệ thống phủ Nukote		
Địa chỉ :	4730 Consulate Plaza Dr. Suite 100, Houston, TX, Hoa Kỳ, 77032		
Điện thoại khẩn cấp:	Chemtrec:800-4249300 (tài khoản:CCN16118) HOẶC Quốc tế:703-5273887 (tài khoản:CCN16118)		
Thông tin Điện thoại:	832-770-7100		
Số Fax:	(281) 227-0909		

Sản phẩm/Công dụng khuyến nghị: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo Bảng dữ liệu kỹ thuật của sản phẩm.

PHẦN 2) NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Phân loại:

Độc tính cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm lặp lại - Loại 2

Kích ứng da - Loại 2

Chất gây nhạy cảm da - Loại 1B

Gây ung thư - Loại 2

Kích ứng mắt - Loại 2

Độc tính mãn tính trong nước - Loại 3

Độc tính cấp tính đối với thủy sinh - Loại 2

Độc tính cấp tính Đường uống Loại 5

Biểu tượng:



Từ tín hiệu:

Cảnh báo

Các tuyên bố nguy hiểm - Sức khỏe:

H303 - Có thể gây hại nếu nuốt phải

H373 - Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc nhiều lần.

H315 - Gây kích ứng da

H317 - Có thể gây phản ứng dị ứng da

H351 - Nghi ngờ gây ung thư .

H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Tuyên bố nguy hiểm - Môi trường:

H401 - Độc hại với sinh vật thủy sinh

H412 - Có hại cho sinh vật thủy sinh với tác động lâu dài

Các tuyên bố phòng ngừa - Chung: P101 - Nếu cần

tư vấn y tế, hãy chuẩn bị sẵn nhãn hoặc hộp đựng sản phẩm.

P102 - Để xa tầm tay trẻ em.

Machine Translated by Google

P103 - Đọc nhãn trư ớc khi sử dụng.

Các tuyên bố phòng ngừa - Phòng ngừa:

P273 - Tránh thải ra môi trư ờng.

P260 - Không hít bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

P264 - Rửa sạch sau khi xử lý.

P280 - Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

P261 - Tránh hít phải bụi/khói/khí/sư ơ ng mù/hơ i/bụi nư ớc.

P272 - Không đư ợc phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơ i làm việc.

P201 - Xin hư ớng dẫn đặc biệt trư ớc khi sử dụng.

P202 - Không đư ợc sử dụng cho đến khi đã đọc và hiểu rõ tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn.

Các tuyên bố phòng ngừa - Phản hồi:

P312 - Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P314 - Nhận tư vấn/chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P302 + P352 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng nhiều nư ớc.

P321 - Điều trị đặc hiệu (xem phần 4 trên SDS này).

P332 + P313 - Nếu bị kích ứng da: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P362 + P364 - Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Và giặt sạch trư ớc khi sử dụng lại.

P333 + P313 - Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P308 + P313 - NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

P305 + P351 + P338 - NẾU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nư ớc trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P337 + P313 - Nếu tình trạng kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Tìm kiếm lời khuyên/chăm sóc y tế.

Các tuyên bố phòng ngừa - Lư u trữ:

P405 - Cửa hàng đã bị khóa.

Các tuyên bố phòng ngừa - Xử lý:

P501 - Xử lý chất thải/thùng chứa đến nhà máy xử lý chất thải đư ợc phê duyệt.

PHẦN 3) THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

CAS	Tên hóa học	% theo Trọng lư ợng
0007727-43-7	BARI SULFAT	26% - 49%
0013463-67-7	TITANIUM DIOXIDE	9% - 16%
0014808-60-7	Silica, tinh thể	9% - 16%
0000100-51-6	CỒN BENZYL	7% - 14%
0135108-88-2	FORMALDEHYDE, POLYMER VỚI BENZENAMINE, HYDRO HÓA	7% - 13%
0000103-23-1	DI(2-ETHYLHEXYL)ADIPATE	4% - 8%
0068953-36-6	Axit béo, dầu tall, sản phẩm phản ứng với tetraethylenepentamine	4% - 7%
0000090-72-2	2,4,6-TRI(DIMETHYLAMINOMETHYL) PHENOL	0,8% - 1,4%
0000112-57-2	TETRAETHYLENEPENTAMINE	0,7% - 1,2%
0001477-55-0	METHYLAMINE, M-PHENYLENE BIS	0,6% - 1,0%

PHẦN 4) CÁC BIỆN PHÁP CỨU THƯ ỜNG

Hít vào:

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đư a nạn nhân ra nơ i có không khí trong lành và giữ tư thế thoải mái để thở.

Nếu bị phơ i nhiễm/cảm thấy không khỏe/lo lắng: Gọi đến TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ.

Tiếp xúc với da:

Rửa sạch/rửa bằng nư ớc ấm chảy nhẹ và xà phòng nhẹ trong 15-20 phút hoặc cho đến khi sản phẩm đư ợc loại bỏ. Nếu da bị kích ứng hoặc bạn cảm thấy không khỏe: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế.

NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.

Giao tiếp bằng mắt:

Machine Translated by Google

Loại bỏ nguồn tiếp xúc hoặc đưa người đó ra nơi thoáng khí. Rửa mắt cẩn thận bằng nước ấm chảy nhẹ trong vài phút, trong khi giữ cho mí mắt mở. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa trong khoảng thời gian 15-20 phút. Cẩn thận không rửa nước bị ô nhiễm vào mắt không bị ảnh hưởng hoặc vào mặt. Nếu kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế.

Tiêu hóa:

Súc miệng. KHÔNG gây nôn. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ. Nếu nôn tự nhiên, hãy nằm nghiêng, ở tư thế hồi phục.

Cho uống 3 hoặc 4 cốc nước. Không bao giờ cho người bất tỉnh uống bất cứ thứ gì.

MỤC 5) BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Nên sử dụng hóa chất khô, bọt, phun nước carbon dioxide hoặc sương mù. Nên phun nước để làm mát hoặc bảo vệ vật liệu hoặc kết cấu tiếp xúc. Carbon dioxide có thể thay thế oxy. Hãy thận trọng khi sử dụng carbon dioxide trong không gian hạn chế. Tránh sử dụng đồng thời bọt và nước trên cùng một bề mặt vì nước sẽ phá hủy bọt. Chỉ có thể sử dụng cát hoặc đất cho các đám cháy nhỏ.

Các mối nguy hiểm cụ thể trong trường hợp hỏa hoạn:

Áp suất hoặc nhiệt độ quá cao có thể gây nổ bình chứa.

Quy trình chữa cháy:

Cô lập khu vực nguy hiểm ngay lập tức và không cho nhân viên không có thẩm quyền ra ngoài. Dừng việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Di chuyển các thùng chứa không bị hư hại khỏi khu vực nguy hiểm ngay lập tức nếu có thể thực hiện an toàn. Phun nước có thể hữu ích trong việc giảm thiểu hoặc phân tán hơi và bảo vệ nhân viên. Nước có thể không hiệu quả nhưng có thể được sử dụng để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt hoặc ngọn lửa. Cẩn thận trọng khi sử dụng nước hoặc bọt vì có thể xảy ra bọt, đặc biệt là nếu phun vào các thùng chứa chất lỏng nóng, đang cháy.

Xử lý các mảnh vỡ cháy và nước chữa cháy bị ô nhiễm theo đúng quy định của chính quyền.

Hành động bảo vệ đặc biệt:

Đeo thiết bị thở tự cung cấp áp suất bảo vệ (SCBA) và đồ bảo hộ đầy đủ.

Luôn phải cẩn thận khi ở những khu vực có bụi/sương mù.

PHẦN 6) CÁC BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TÌNH CỜ

Quy trình khẩn cấp:

LOẠI BỎ mọi nguồn gây cháy (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa ở khu vực xung quanh).
Không chạm hoặc bước qua vật liệu bị đổ.
Cô lập khu vực nguy hiểm và tránh xa những người không cần thiết. Loại bỏ mọi nguồn gây cháy có thể có ở khu vực xung quanh. Thông báo cho chính quyền nếu có bất kỳ sự tiếp xúc nào với công chúng hoặc môi trường xảy ra hoặc có khả năng xảy ra.
Nếu vật liệu bị đổ được làm sạch bằng dung môi được quy định, hỗn hợp chất thải thu được có thể được quy định.

Thiết bị được đề xuất:

Máy thở áp suất dương, trùm kín mặt (SCBA) hoặc máy thở cung cấp khí áp suất dương có bình thở SCBA thoát hiểm (được NIOSH chấp thuận).

Biện pháp phòng ngừa cá nhân:

Tránh hít phải hơi. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không chạm vào các thùng chứa bị hư hỏng hoặc vật liệu bị đổ trừ khi mặc quần áo bảo hộ thích hợp.

Biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Ngăn chặn việc tràn/thải nếu có thể thực hiện an toàn. Ngăn không cho vật liệu tràn vào cống rãnh, cống thoát nước mưa, các hệ thống thoát nước trái phép khác và đường thủy tự nhiên bằng cách sử dụng cát, đất hoặc các rào cản thích hợp khác.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch:

Thấm vật liệu bằng chất hấp thụ và xúc vào thùng chứa chất thải hóa học. Đậy nắp thùng chứa, nhưng không niêm phong, và di chuyển khỏi khu vực làm việc. Chất thải từ quá trình dọn dẹp tràn dầu có thể tiếp tục được quản lý theo các điều khoản của RCRA và cần được lưu trữ và xử lý như chất thải nguy hại. Đối với các vụ tràn dầu lớn, hãy gọi đến CHEMTREC (Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất) theo số 800-424-9300.

PHẦN 7) XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

Tổng quan:

Rửa tay sau khi sử dụng.
Không để dính vào mắt, da hoặc quần áo.
Không hít phải hơi hoặc sương mù.
Áp dụng các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt.
Cấm ăn, uống và hút thuốc ở khu vực làm việc.
Cởi bỏ quần áo và thiết bị bảo hộ bị nhiễm bẩn trước khi vào khu vực ăn uống.

Nên bố trí trạm rửa mắt và vòi hoa sen ở những khu vực sử dụng và lưu trữ vật liệu này.

Machine Translated by Google

Những ngư ời mắc bệnh về đư ờng hô hấp như viêm phế quản mãn tính, khí phế thũng hoặc hen suyễn không nên tiếp xúc với chất này.

Yêu cầu thông gió:

Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ để kiểm soát các chất gây ô nhiễm không khí ở mức giới hạn tiếp xúc của chúng. Khuyến nghị sử dụng thông gió cục bộ để kiểm soát khí thải gần nguồn.

Yêu cầu về phòng lư u trữ:

Đóng chặt hộp đựng và dán nhãn đúng cách. Bảo quản ở nơ i khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, ánh nắng trực tiếp và những thứ không tư ơ ng thích. Bảo quản trong hộp đựng đư ợc chấp thuận và tránh hư hỏng vật lý. Giữ hộp đựng đư ợc đậy kín khi không sử dụng.
Lư u trữ trong nhà phải đáp ứng các tiêu chuẩn của OSHA và các quy định phòng cháy chữa cháy phù hợp. Các thùng chứa đã mở phải đư ợc niêm phong lại cẩn thận để tránh rò rỉ. Thùng chứa rỗng vẫn còn cặn và có thể nguy hiểm.

Bảo quản trong các thùng chứa kín để tránh hơ i ẩm trong không khí. Bảo quản ở nơ i khô ráo, thoáng mát. Bảo quản chất lỏng trong các thùng chứa trên mặt đất và có đê bao quanh để ngăn tràn hoặc rò rỉ.

Không cắt, khoan, mài, hàn hoặc thực hiện các hoạt động tư ơ ng tự trên hoặc gần thùng chứa.

PHẦN 8) KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ mắt:

Đeo kính bảo vệ mắt bằng tấm chắn bên hông hoặc kính bảo hộ. Đeo kính bảo hộ chống va đập, chống bắn nư ớc và thông gió gián tiếp khi làm việc với chất lỏng. Nếu cần bảo vệ thêm cho toàn bộ khuôn mặt, hãy sử dụng kết hợp với kính bảo hộ.

Bảo vệ da:

Sử dụng găng tay đư ợc chấp thuận theo các tiêu chuẩn có liên quan đư ợc làm từ các vật liệu sau đây có thể cung cấp khả năng bảo vệ hóa chất phù hợp: Găng tay PVC, cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile. Tính phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, ví dụ tần suất và thời gian tiếp xúc, khả năng chống hóa chất của vật liệu găng tay, độ dày của găng tay, độ khéo léo. Luôn tìm lời khuyên từ các nhà cung cấp găng tay. Nên thay thế găng tay bị nhiễm bẩn.
Nên sử dụng tạp dề và ủng làm bằng vật liệu không thấm hóa chất như cao su tổng hợp neoprene hoặc cao su nitrile để tránh gây kích ứng da. Loại thiết bị bảo vệ phải đư ợc lựa chọn theo nồng độ và lư ợng chất nguy hiểm tại nơ i làm việc cụ thể. Giặt quần áo bẩn hoặc xử lý đúng cách vật liệu bị ô nhiễm, không thể khử nhiễm.

Bảo vệ hô hấp:

Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí ở mức đủ để bảo vệ ngư ời lao động, cần tuân theo chư ơ ng trình bảo vệ hô hấp đáp ứng hoặc tư ơ ng đư ơ ng với OSHA 29 CFR 1910.134 và ANSI Z88.2. Kiểm tra với các nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp.

Ở những khu vực thông gió kém, nên sử dụng mặt nạ phòng độc đư ợc NIOSH chấp thuận cho hơ i hữu cơ trong các trư ờng hợp sau: tình huống khẩn cấp, khi nồng độ hơ i sản phẩm lớn hơ n 20 ppm trong thời gian dài hơ n 15 phút, trong quá trình sửa chữa và vệ sinh thiết bị, trong quá trình chuyển hoặc xả sản phẩm.

Kiểm soát kỹ thuật thích hợp:

Cung cấp hệ thống thông gió xả hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ nồng độ hơ i trong không khí ở mức dư ới ngư ỡng giới hạn tư ơ ng ứng.

Tên hóa học	OSHA TWA (ppm)	OSHA TWA (mg/m3)	OSHA STEL (ppm)	OSHA STEL (mg/m3)	OSHA-Bảng-Z1,2,3	OSHA Chất gây ung thư	OSHA Da chỉ định	TWA (ppm)	TWA (mg/m3)	STEL (ppm)	STEL (mg/m3)	Chất gây ung thư
BARI SULFAT		[15]; [5(a)];			1				10.5a			
METHYLAMINE, M-PHENYLENE BIS												
Silic, KẾT TINH	*Ot	[10 mg/m3 phần trăm SiO2+2 / 250 phần trăm SiO2+5 mppcf]; [30 mg/m3 phần trăm SiO2+2];			1,3				0,05e			1
TITANIUM DIOXIDE		15			1			b				1

Tên hóa học	TWA (ppm)	HAI (mg/m3)	BỘ (phần triệu)	STEL (mg/m3)	Chất gây ung thư	Cơ sở TLV	Ghi chú
BARI SULFAT		5 (Tối)(E)			A4	Viêm phổi niosis	A4
METHYLAMINE, M-PHENYLENE BIS				C0,1		Mắt, da, GI irr	Da

Machine Translated by Google

Silic, KẾT TINH		0,025 (R)			A2	Xơ phổi; ung thư phổi	A2
TITANIUM DIOXIDE		10			A4	LRT kích hoạt	A4

PHẦN 9) TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Tính chất vật lý và hóa học

Tỉ trọng	16,29 pound/gallon
Trọng lư ợng riêng	1,95
Quy định VOC	0,00 lb/gallon
VOC Phần A & B	Không có
Vẻ bề ngoài	Chất lỏng màu trắng
Ngư ỡng mùi	Không có
Mô tả mùi	Thơ m
độ pH	Không có
Độ hòa tan trong nư ớc	Không có
Tính dễ cháy	Không có
Biểu tư ợng điểm chớp cháy	Không có
Điểm chớp cháy	200 °F
Độ nhớt	Không có
Mức độ nổ thấp hơ n	Không có
Mức độ nổ trên	Không có
Áp suất hơ i	Không có
Mật độ hơ i	Không có
Điểm đóng băng	Không có
Điểm nóng chảy	Không có
Điểm sôi thấp	375 °F
Điểm sôi cao	Không có
Nhiệt độ đánh lửa tự động	Không có
Phân hủy Pt	Không có
Tốc độ bốc hơ i	Không có
Hệ số Nư ớc/Dầu	Không có

PHẦN 10) TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Sự ổn định:

Vật liệu ổn định ở nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn.

Các điều kiện cần tránh:

Nhiệt, nhiệt độ cao, ngọn lửa, tia lửa và độ ẩm. Tiếp xúc với các vật liệu không tư ơ ng thích trong hệ thống kín sẽ gây ra sự tích tụ áp suất.

Phản ứng nguy hiểm/Polymer hóa:

Sẽ không xảy ra.

Vật liệu không tư ơ ng thích:

Sản phẩm này sẽ phản ứng với epoxy, isocyanat và các chất oxy hóa mạnh. Một số phản ứng có thể dữ dội.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:

Sản phẩm cháy: hơ i hữu cơ và các mảnh phân hủy nhiệt.

PHẦN 11) THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Ăn mòn/Kích ứng da:

Gây kích ứng da

Machine Translated by Google

Tổn thư ơ ng/kích ứng mắt nghiêm trọng:

Bất kỳ tiếp xúc nào cũng không đư ợc bỏ qua mà không xử lý.

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Nhạy cảm về hô hấp/da:

Tiếp xúc có thể gây kích ứng niêm mạc và đư ờng hô hấp, tức ngực, đau đầu, khó thở và ho khan. Các tác động của tiếp xúc cấp tính có thể chậm trễ trong quá trình khởi phát lên đến 12-24 giờ. Tiếp xúc nhiều lần vư ợt quá giới hạn nghề nghiệp hiện tại có thể gây ra tình trạng nhạy cảm dị ứng ở đư ờng hô hấp. Điều này đư ợc đặc trư ng bởi phản ứng giống như hen suyễn khi tiếp xúc lại với hóa chất. Các triệu chứng có thể bao gồm ho, thở khò khè, khó thở và tức ngực.

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da

Tính gây ung thư :

Nghi ngờ gây ung thư .

Tính gây đột biến tế bào mầm:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính sinh sản:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc một lần:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Tiếp xúc nhiều lần:

Tiếp xúc nhiều lần thư ờng làm trầm trọng thêm các tình trạng bệnh lý sau: Bệnh tim mạch và Bệnh hô hấp mãn tính.

Có thể gây tổn thư ơ ng các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc liên tục.

Nguy cơ hít phải:

Không có dữ liệu có sẵn

Độc tính cấp tính:

Nếu nuốt phải: Ở ngư ời, sau khi nuốt phải có thể gây kích ứng hoặc bỏng hóa chất ở miệng, họng, thực quản và dạ dày, tổn thư ơ ng có thể nghiêm trọng và gây tử vong.

Tác động tiềm ẩn đến sức khỏe - Khác

0013463-67-7 TITANIUM DIOXIDE

Là chất gây ung thư của IARC, NTP hoặc OSHA. Trong một thử nghiệm hít phải suốt đời, ung thư phổi đã đư ợc tìm thấy ở một số con chuột tiếp xúc với 250 mg/m3 bụi titan có thể hít vào. Phân tích nồng độ titanium dioxide trong phổi của chuột cho thấy cơ chế thanh thải phổi bị quá tải và kết quả ở mức 250 mg/m3 lớn không liên quan đến nơ i làm việc. Kết quả của một nghiên cứu dịch tễ học của DuPont cho thấy những nhân viên đã tiếp xúc với Titanium Dioxide không có nguy cơ mắc ung thư phổi cao hơ n những nhân viên chư a tiếp xúc với Titanium Dioxide. Không có xơ phổi nào đư ợc tìm thấy ở bất kỳ nhân viên nào và không có mối liên hệ nào đư ợc quan sát thấy giữa việc tiếp xúc với Titanium dioxide và bệnh hô hấp mãn tính hoặc bất thư ờng trên phim chụp X-quang. Dựa trên kết quả của nghiên cứu này, DuPont kết luận rằng titanium dioxide sẽ không gây ung thư phổi hoặc bệnh hô hấp mãn tính ở ngư ời ở nồng độ đã trải qua tại nơ i làm việc.

0014808-60-7 SILICA, KẾT TINH

Là chất gây ung thư theo IARC, NTP hoặc OSHA. Tiếp xúc quá nhiều với silica tinh thể nhiều lần có thể dẫn đến thay đổi hình ảnh chụp X-quang và bệnh phổi mãn tính. Hít phải nồng độ bụi cao có thể gây ra: khó thở, tổn thư ơ ng phổi. CẢNH BÁO: Hóa chất này đư ợc Tiểu bang California biết đến là có thể gây ung thư .

Tiếp xúc mãn tính

0014808-60-7 SILICA, KẾT TINH

Hít phải bụi silic tinh thể trong thời gian dài có thể dẫn đến bệnh phổi (tức là bệnh bụi phổi silic và/hoặc ung thư phổi). Các triệu chứng bao gồm ho, khó thở, thở khò khè và suy giảm chức năng phổi.

PHẦN 12) THÔNG TIN SINH THÁI

Độc tính:

Độc hại đối với sinh vật dư ới nư ớc

Có hại cho sinh vật thủy sinh với tác động lâu dài

Độ bền và khả năng phân hủy:

Không có dữ liệu.

Tiềm năng tích lũy sinh học:

Không có dữ liệu.

Tính di động trong đất:

Machine Translated by Google

Không có dữ liệu.

Các tác dụng phụ khác:

Không có dữ liệu.

PHẦN 13) XÉT XỬ LÝ

Xử lý chất thải:

Theo RCRA, ngư ời sử dụng sản phẩm có trách nhiệm xác định thời điểm thải bỏ sản phẩm có đáp ứng tiêu chí RCRA về chất thải nguy hại hay không. Quản lý chất thải phải tuân thủ đầy đủ luật liên bang, tiểu bang và địa phư ơng.

Các thùng chứa rỗng vẫn còn cặn sản phẩm có thể gây nguy hiểm cho vật liệu, do đó không đư ợc nén, cắt, tráng men, hàn hoặc sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác. Trả lại các thùng phuy cho các trung tâm tái chế để vệ sinh và tái sử dụng đúng cách.

PHẦN 14) THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Thông tin của US DOT:

Không đư ợc quản lý.

Thông tin IMDG:

Không đư ợc quản lý.

Thông tin IATA:

Không đư ợc quản lý.

MỤC 15) THÔNG TIN QUY ĐỊNH

CAS	Tên hóa học	% Theo Trọng Lư ợng	Danh sách quy định
0000090-72-2	2,4,6-BA (DIMETHYLAMINOMETHYL) PHÊN TỐ	0,8% - 1,4%	SARA312,TSCA
0000100-51-6	CỒN BENZYL	7% - 14%	SARA312, VOC, TSCA
0000103-23-1	DI(2-ETHYLHEXYL) ADIPATE	4% - 8%	SARA312,TSCA
0000112-57-2	TETRAETHYLENEPENTA CỦA TÔI	0,7% - 1,2%	SARA312, VOC, TSCA
0001477-55-0	METHYLAMINE, M-PHENYLENE BIS	0,6% - 1,0%	SARA312,TSCA
0007727-43-7	BARI SULFAT	26% - 49%	SARA312,TSCA
0013463-67-7	TITANIUM DIOXIDE	9% - 16%	SARA312,TSCA,CA_Prop65 - Dự luật 65 của California
0014808-60-7	Silica, tinh thể	9% - 16%	SARA312,TSCA,CA_Prop65 - Dự luật 65 của California
0068953-36-6	Axit béo, dầu tall, sản phẩm phản ứng với tetraethylenepentamine	4% - 7%	SARA312,TSCA
0135108-88-2	FORMALDEHYDE, POLYMER VỚI BENZENAMINE, HYDRO HÓA	7% - 13%	SARA312,TSCA

PHẦN 16) THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN KHÁC:

Lư u ý: Theo GHS, loại 1 là mức độ nguy hiểm cao nhất trong mỗi loại.

BẢNG THUẬT NGỮ:

Machine Translated by Google

ACGIH- Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ; ANSI- Viện tiêu chuẩn quốc gia Hoa Kỳ; TDG Canada- Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Canada; CAS- Dịch vụ tóm tắt hóa chất; Chemtrec- Trung tâm cấp cứu vận chuyển hóa chất (Hoa Kỳ); CHIP- Thông tin và bao bì về mối nguy hiểm của hóa chất; DSL- Danh sách các chất trong nư ớc; EC- Nồng độ tư ơ ng đư ơ ng; EH40 (Anh)- Ghi chú hư ớng dẫn của HSE EH40 Giới hạn phơ i nhiễm nghề nghiệp; EPCRA- Đạo luật về quyền đư ợc biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp; ESL- Mức sàng lọc tác động; HMIS- Dịch vụ thông tin về vật liệu nguy hiểm; LC- Nồng độ gây chết ngư ời; LD- Liều gây chết ngư ời; NFPA- Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia; OEL- Giới hạn phơ i nhiễm nghề nghiệp; OSHA- Cơ quan quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Bộ lao động Hoa Kỳ; PEL- Giới hạn phơ i nhiễm cho phép; SARA (Tiêu đề III)- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund; SARA 313- Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền của Superfund, Mục 313; SCBA- Thiết bị thở tự cung cấp; STEL- Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn; TCEQ
- Ủy ban Chất lư ợng Môi trư ờng Texas; TLV- Giá trị giới hạn ngư ỡng; TSCA- Luật công số 94-469 của Đạo luật Kiểm soát Chất độc hại; TWA
- Giá trị theo thời gian; US DOT- Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ; WHMIS- Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hiểm tại nơ i làm việc.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Theo hiểu biết của chúng tôi, thông tin có trong đây là chính xác. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu trên cũng như bất kỳ công ty con nào của họ đều không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin có trong đây. Việc xác định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ vật liệu nào là trách nhiệm duy nhất của ngư ời dùng. Tất cả các vật liệu đều có thể gây ra những mối nguy hiểm chư a biết và nên sử dụng thận trọng. Mặc dù một số mối nguy hiểm đư ợc mô tả trong đây, chúng tôi không thể đảm bảo rằng đây là những mối nguy hiểm duy nhất hiện hữu. Thông tin trên liên quan đến sản phẩm này theo công thức hiện tại và dựa trên thông tin có sẵn tại thời điểm này. Việc thêm chất khử hoặc các chất phụ gia khác vào sản phẩm này có thể làm thay đổi đáng kể thành phần và mối nguy hiểm của sản phẩm. Vì các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi, chúng tôi không đư a ra bất kỳ bảo đảm nào, dù là rõ ràng hay ngụ ý, và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến bất kỳ việc sử dụng thông tin này.